

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG NAI
TRƯỜNG THPT HOÀNG DIỆU

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT XÉT TUYỂN (TẠM THỜI)
NĂM HỌC: 2026-2027

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm 4 năm THCS	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Tổng hai môn Toán văn	Trường cuối cấp
1	Thô Thị Thanh Hiền	08/11/2011	Nữ	9/8	40	9,12	9,3	8,9	1	41	18,2	Trường THCS Ngô Quyền
2	Thô Thị Ánh Dương	03/09/2011	Nữ	9/5	40	9,1	9,1	9,5	1	41	18,6	Trường THCS Ngô Quyền
3	Vòng Quảng Nguyên	17/06/2011	Nam	9/4	40	9,02	8,4	9,1	1	41	17,5	Trường THCS Lê A
4	Trần Quốc Thịnh	24/11/2011	Nam	9/7	40	8,85	8	8,7	1	41	16,7	Trường THCS Lê Quý Đôn
5	Sển Thụ Bội Như	16/09/2011	Nữ	9/3	40	8,82	7,5	9,4	1	41	16,9	Trường THCS Xuân Lập
6	Nguyễn Thành Lộc	28/06/2011	Nam	9/1	40	8,8	7,8	7,8	1	41	15,6	Trường THCS Lê Quý Đôn
7	Huỳnh Minh Phụng	25/06/2011	Nữ	9/5	40	8,79	8,4	8,7	1	41	17,1	Trường THCS Lê A
8	Thô Ngô Tiến Phúc	28/07/2011	Nam	9/4	40	8,76	9	8,3	1	41	17,3	Trường THCS Bảo Quang
9	Hoàng Minh Anh	14/08/2011	Nữ	9/4	40	8,74	8,6	8,8	1	41	17,4	Trường THCS Hồ Thị Hương
10	Lâm Gia Hân	02/02/2011	Nữ	9/4	40	8,58	8,7	9,1	1	41	17,8	Trường THCS Xuân Lập
11	Hoàng Anh Thư	30/08/2011	Nữ	9/8	40	8,49	8,4	8	1	41	16,4	Trường THCS Ngô Quyền
12	Thô Thị Thảo Ly	04/11/2011	Nữ	9/2	40	8,48	8	8,4	1	41	16,4	Trường THCS Ngô Quyền
13	Lương Ngọc Mai Phương	10/01/2011	Nữ	9/7	40	8,35	8,8	8,4	1	41	17,2	Trường THCS Ngô Quyền
14	Đặng Mai Phương	02/05/2011	Nữ	9/1	40	8,32	7,4	8,8	1	41	16,2	Trường THCS Xuân Lập
15	Trần Mỹ Quyên	04/01/2011	Nữ	9/4	40	8,28	7,7	8	1	41	15,7	Trường THCS Lê Thánh Tông
16	Nguyễn Trần Ánh Tuyết	18/09/2011	Nữ	9/3	40	9,59	9,7	9,3		40	19	Trường THCS Hàng Gòn
17	Nguyễn Thị Xuân Hương	26/01/2011	Nữ	9/2	40	9,58	9,2	10		40	19,2	Trường THCS Trần Phú
18	Trần Trâm Anh	22/09/2011	Nữ	9/1	40	9,51	9	9,6		40	18,6	Trường THCS Hàng Gòn
19	Nguyễn Minh Hưng	01/01/2011	Nam	9/2	40	9,45	9,8	9,4		40	19,2	Trường THCS Xuân Tân
20	Võ Quỳnh Thảo Nguyên	27/10/2011	Nữ	9/1	40	9,42	9,2	9,5		40	18,7	Trường THCS Ngô Quyền
21	Lê Quang Trung	09/12/2011	Nam	9,1	40	9,39	8,8	9,7		40	18,5	Trường THCS Bảo Quang
22	Cao Thị Lan Anh	06/07/2011	Nữ	9/2	40	9,38	9,2	9,5		40	18,7	Trường THCS Hàng Gòn
23	Nguyễn Quỳnh Như	17/01/2011	Nữ	9/4	40	9,36	9,2	9,1		40	18,3	Trường THCS Chu Văn An
24	Bùi Công Dương	19/06/2011	Nam	9/7	40	9,36	8,7	9,3		40	18	Trường THCS Lê Quý Đôn
25	Nguyễn Phương Nghi	01/01/2011	Nữ	9/7	40	9,35	9,6	8,9		40	18,5	Trường THCS Lê Quý Đôn
26	Võ Vĩnh Nguyên	20/04/2011	Nam	9/3	40	9,35	9,3	9,1		40	18,4	Trường THCS Nguyễn Trãi
27	Đào Thị Bảo Trân	13/02/2011	Nữ	9,2	40	9,32	9	9,4		40	18,4	Trường THCS Bảo Quang
28	Võ Hoàng Khánh Châu	28/09/2011	Nữ	9,3	40	9,32	9,1	9,2		40	18,3	Trường THCS Bảo Quang
29	Đình Thị Phương Khánh	29/03/2011	Nữ	9,3	40	9,31	9	9,2		40	18,2	Trường THCS Bảo Quang

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm 4 năm THCS	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Tổng hai môn Toán văn	Trường cuối cấp
30	Phan Lâm Hải Anh	13/05/2011	Nữ	9/4	40	9,31	8,7	9,4		40	18,1	Trường THCS Lê A
31	Bùi Thị Thanh Trúc	19/08/2011	Nữ	9/4	40	9,31	8,5	9,5		40	18	Trường THCS Lê A
32	Cao Khánh Linh	03/02/2011	Nữ	9/3	40	9,3	9,3	9,8		40	19,1	Trường THCS Lê A
33	Nguyễn Thị Hải Yến	01/09/2011	Nữ	9,4	40	9,29	9,2	9,4		40	18,6	Trường THCS Bảo Quang
34	Trần Nhật Cường	10/10/2011	Nam	9/5	40	9,29	8,7	9,7		40	18,4	Trường THCS Lê A
35	Nguyễn Phương Trang	03/06/2011	Nữ	9/5	40	9,29	9	9,3		40	18,3	Trường THCS Hồ Thị Hương
36	Trần Tuấn Anh	15/01/2011	Nam	97	40	9,29	9,1	8,6		40	17,7	Trường THCS Lê Quý Đôn
37	Nguyễn Thiện An	11/01/2011	Nam	9/1	40	9,29	8,6	9		40	17,6	Trường THCS Lê A
38	Nguyễn Nguyễn Kiều Trinh	06/10/2011	Nữ	93	40	9,29	8,1	9,1		40	17,2	Trường THCS Lê Quý Đôn
39	Hồ Ngọc Phương Uyên	10/10/2011	Nữ	9/2	40	9,28	9,3	9,3		40	18,6	Trường THCS Lý Tự Trọng
40	Trần Ngọc Yến Trang	17/10/2011	Nữ	91	40	9,28	9,4	8,7		40	18,1	Trường THCS Hàng Gòn
41	Đoàn Ngọc Huyền	05/01/2011	Nữ	9,1	40	9,28	8,5	9,5		40	18	Trường THCS Bảo Quang
42	Nguyễn Văn Anh	28/08/2011	Nữ	93	40	9,28	8,7	9,1		40	17,8	Trường THCS Hàng Gòn
43	Trần Thanh Kỳ Thu	04/01/2011	Nữ	9/4	40	9,28	9	8,6		40	17,6	Trường THCS Chu Văn An
44	Phạm Đình Anh	27/09/2011	Nam	9/5	40	9,28	8,8	8,5		40	17,3	Trường THCS Hồ Thị Hương
45	Võ Ngọc Quỳnh Như	24/04/2011	Nữ	9/5	40	9,26	9,1	9,4		40	18,5	Trường THCS Ngô Quyền
46	Nguyễn Thùy Tiên	05/03/2011	Nữ	9/8	40	9,25	9,6	9,4		40	19	Trường THCS Ngô Quyền
47	Đoàn Thị Kim Ngân	13/11/2011	Nữ	9,1	40	9,25	8,5	9,7		40	18,2	Trường THCS Bảo Quang
48	Nguyễn Thị Thu Hương	14/11/2011	Nữ	9/2	40	9,24	8,5	9,7		40	18,2	Trường THCS Ngô Quyền
49	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	17/03/2011	Nữ	9,3	40	9,24	9,1	8,8		40	17,9	Trường THCS Bảo Quang
50	Trần Trương Xuân An	01/06/2011	Nữ	91	40	9,24	9,1	8,6		40	17,7	Trường THCS Hàng Gòn
51	Lê Duy Khang	16/01/2011	Nam	9/2	40	9,22	8,1	9,8		40	17,9	Trường TH&THCS Nguyễn Thái Bình
52	Lê Đỗ Nguyên Phương	23/07/2011	Nữ	9/3	40	9,22	8,7	9		40	17,7	Trường THCS Nguyễn Du
53	Bùi Ngọc Khôi My	31/03/2011	Nữ	92	40	9,2	9	9,2		40	18,2	Trường THCS Hàng Gòn
54	Phan Thảo Vy	29/12/2011	Nữ	9/2	40	9,2	9,1	9,1		40	18,2	Trường THCS Lê A
55	Nguyễn Quỳnh Anh Thư	02/02/2011	Nữ	9/1	40	9,2	9,2	9		40	18,2	Trường THCS Lê A
56	Nguyễn Quỳnh Thảo Nguyễn	22/01/2011	Nữ	9/1	40	9,2	8,8	8,8		40	17,6	Trường THCS Chu Văn An
57	Huỳnh Gia Huy	06/04/2011	Nam	93	40	9,19	9,2	8,9		40	18,1	Trường THCS Hàng Gòn
58	Huỳnh Khánh Băng	23/07/2011	Nữ	9,2	40	9,19	9	9		40	18	Trường THCS Bảo Quang
59	Phan Bùi Ái Nhân	18/01/2011	Nữ	9/1	40	9,18	9,4	8,7		40	18,1	Trường THCS Xuân Tân
60	Nguyễn Vũ Bảo Nghi	02/04/2011	Nữ	97	40	9,18	8,8	8,6		40	17,4	Trường THCS Lê Quý Đôn
61	Lê Thị Hồng Dương	23/04/2011	Nữ	9,1	40	9,16	8,6	9,4		40	18	Trường THCS Bảo Quang
62	Lê Nguyễn Minh Châu	07/03/2011	Nữ	9/8	40	9,16	9,2	8,7		40	17,9	Trường THCS Ngô Quyền
63	Nguyễn Phú Thuận	23/03/2011	Nam	9/3	40	9,16	9	8,3		40	17,3	Trường THCS Lê A
64	Thỏ Lâm Tường Vy	23/07/2011	Nữ	9/1	40	9,15	8,5	9,7		40	18,2	Trường THCS Xuân Lập

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm 4 năm THCS	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Tổng hai môn Toán văn	Trường cuối cấp
65	Nguyễn Như An	26/12/2011	Nữ	91	40	9,15	8,9	8,6		40	17,5	Trường THCS Lê Quý Đôn
66	Bùi Ngọc Hân	01/11/2011	Nữ	9,1	40	9,14	8,3	9,6		40	17,9	Trường THCS Bảo Quang
67	Lê Quỳnh My	26/06/2011	Nữ	9/4	40	9,14	8,5	9,1		40	17,6	Trường THCS Hồ Thị Hương
68	Phạm Thị Như Khánh	21/05/2011	Nữ	9,4	40	9,12	9,4	9,4		40	18,8	Trường THCS Bảo Quang
69	Trương Thị Quỳnh Như	07/06/2011	Nữ	9/5	40	9,12	8,6	9		40	17,6	Trường THCS Hồ Thị Hương
70	Nguyễn Kim Uyên	18/03/2011	Nữ	9/3	40	9,11	8,8	9,1		40	17,9	Trường THCS Xuân Tân
71	Nguyễn Ánh Kim	30/01/2011	Nữ	9/4	40	9,1	8	9		40	17	Trường THCS Nguyễn Trãi
72	Trần Thanh Tuyền	23/01/2011	Nữ	9,2	40	9,09	8,9	9,4		40	18,3	Trường THCS Bảo Quang
73	Nguyễn Chí Tài	17/02/2011	Nam	9/5	40	9,09	9	9,1		40	18,1	Trường THCS Hồ Thị Hương
74	Thạch Minh Phát	28/06/2011	Nam	9,3	40	9,09	8,7	8,9		40	17,6	Trường THCS Bảo Quang
75	Trương Thị Khánh Ly	12/01/2011	Nữ	9/4	40	9,09	8,8	8,4		40	17,2	Trường THCS Chu Văn An
76	Đoàn Nguyễn Mộc Đan	09/01/2011	Nữ	9/4	40	9,08	8,1	9,8		40	17,9	Trường THCS Nguyễn Du
77	Huỳnh Cát Tường	13/02/2011	Nữ	92	40	9,08	8,4	8,4		40	16,8	Trường THCS Lê Quý Đôn
78	Mai Nguyễn Ngọc Diệp	03/09/2011	Nữ	9/5	40	9,06	8,7	9,5		40	18,2	Trường THCS Lê A
79	Trần Như Ngọc	26/05/2011	Nữ	9/3	40	9,06	8,8	9,1		40	17,9	Trường THCS Ngô Quyền
80	Nguyễn Phương Lan	22/02/2011	Nữ	9/2	40	9,05	8,1	9,6		40	17,7	Trường THCS Ngô Quyền
81	Trần Quốc Huy	11/04/2011	Nam	9/3	40	9,04	8,1	9,2		40	17,3	Trường THCS Hồ Thị Hương
82	Đỗ Lê Phương Vy	11/07/2011	Nữ	9/7	40	9,02	9	9,2		40	18,2	Trường THCS Ngô Quyền
83	Đào Nhã Băng	23/01/2011	Nữ	9/1	40	9,02	8,7	8,1		40	16,8	Trường THCS Chu Văn An
84	Nguyễn Mai Minh Anh	19/08/2011	Nữ	9,2	40	9,02	7,9	8,8		40	16,7	Trường THCS Bảo Quang
85	Đặng Ngọc Phương Anh	01/09/2011	Nữ	9,2	40	9,01	8,6	9,5		40	18,1	Trường THCS Bảo Quang
86	Vũ Hoàng Kim Ngân	27/11/2011	Nữ	9/1	40	9,01	8	8,3		40	16,3	Trường THCS Chu Văn An
87	Trịnh Gia Hân	18/01/2011	Nữ	9/1	40	9,01	8,6	7,3		40	15,9	Trường THCS Nguyễn Trãi
88	Nguyễn Hoàng Vy	02/12/2011	Nữ	9/2	40	9	9,4	9		40	18,4	Trường TH&THCS Nguyễn Thái Bình
89	Phạm Trường Khánh Thy	18/05/2011	Nữ	92	40	9	9	8,9		40	17,9	Trường THCS Trần Phú
90	Vũ Tâm Anh	11/07/2011	Nữ	9/2	40	9	8,2	9,6		40	17,8	Trường THCS Lê Thánh Tông
91	Lê Nguyễn Khánh Vy	31/10/2011	Nữ	9/3	40	9	7,7	9,5		40	17,2	Trường THCS Xuân Lập
92	Vòng Hoài An	23/05/2011	Nữ	9/2	39	9	8,2	8,9	1	40	17,1	Trường THCS Lê A
93	Nguyễn Thành Phước	20/03/2011	Nam	9,2	40	9	8,3	8,5		40	16,8	Trường THCS Bảo Quang
94	Nguyễn Hoàng Hiếu Hạnh	11/02/2011	Nữ	9/1	40	8,99	8,8	8,3		40	17,1	Trường THCS Nguyễn Trãi
95	Nguyễn Trường Vy	28/03/2011	Nữ	9/3	40	8,98	8,3	9		40	17,3	Trường THCS Hồ Thị Hương
96	Võ Hoàng Phương Nghi	19/02/2011	Nữ	9/1	40	8,98	8,3	8,7		40	17	Trường THCS Lê A
97	Phan Tuyết Nhi	13/08/2011	Nữ	9/3	40	8,96	8,4	8,9		40	17,3	Trường THCS Lê A
98	Trần Bảo Bình	27/04/2011	Nữ	9/4	40	8,96	8	9		40	17	Trường THCS Lê Thánh Tông

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm 4 năm THCS	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Tổng hai môn Toán văn	Trường cuối cấp
99	Nguyễn Thị Uyên Linh	11/11/2011	Nữ	94	40	8,95	9,1	8,5		40	17,6	Trường THCS Lê Quý Đôn
100	Lê Thị Thu Thủy	07/02/2011	Nữ	9/2	40	8,95	8,6	8,7		40	17,3	Trường THCS Hồ Thị Hương
101	Trần Đình Lân	19/01/2011	Nam	96	40	8,95	8,1	8,1		40	16,2	Trường THCS Lê Quý Đôn
102	Vũ Ngọc Hân	05/09/2011	Nữ	9/4	40	8,94	9,2	9,1		40	18,3	Trường THCS Xuân Tân
103	Hà Anh Sang	12/06/2011	Nam	9/1	40	8,94	8	9,5		40	17,5	Trường THCS Chu Văn An
104	Phạm Võ Anh Thư	07/04/2011	Nữ	9/2	40	8,94	8,3	8,8		40	17,1	Trường THCS Ngô Quyền
105	Phạm Anh Tuấn	05/01/2011	Nam	9/2	40	8,94	8,5	8,6		40	17,1	Trường THCS Lê A
106	Hoàng Ngô Thùy Dương	18/01/2011	Nữ	9/2	40	8,94	7,7	8,8		40	16,5	Trường THCS Hồ Thị Hương
107	Nguyễn Tiến Dũng	08/02/2011	Nam	9/8	40	8,92	9,1	8,6		40	17,7	Trường THCS Ngô Quyền
108	Nguyễn Thảo Nhi	01/12/2011	Nữ	9/1	40	8,91	8,3	9,1		40	17,4	Trường THCS Hồ Thị Hương
109	Châu Bạch Mai	30/06/2011	Nữ	9/2	39	8,91	8,2	8,9	1	40	17,1	Trường THCS Lê A
110	Trần Hồng Ân	23/03/2011	Nam	9/1	40	8,91	7,9	8,6		40	16,5	Trường THCS Hồ Thị Hương
111	Vũ Đức Duy	01/01/2011	Nam	9/1	40	8,9	8,4	9,6		40	18	Trường THCS Ngô Quyền
112	Phạm Nhật Hoàng	30/03/2011	Nam	9,4	40	8,88	9,3	8,7		40	18	Trường THCS Bảo Quang
113	Huỳnh Ngọc Phương Chi	27/02/2011	Nữ	9/5	40	8,88	8	9,2		40	17,2	Trường THCS Lê A
114	Vũ Cát Nhi	28/12/2011	Nữ	9/8	40	8,88	8,2	8,9		40	17,1	Trường THCS Nguyễn Trãi
115	Nguyễn Hoàng Thiện Tâm	20/04/2011	Nam	91	40	8,88	8,5	8,2		40	16,7	Trường THCS Lê Quý Đôn
116	Nguyễn Trần Bảo Khanh	31/01/2011	Nữ	97	40	8,88	8,6	7,9		40	16,5	Trường THCS Lê Quý Đôn
117	La Ngọc Bảo Thy	20/07/2011	Nữ	98	40	8,88	8	8		40	16	Trường THCS Lê Quý Đôn
118	Võ Đăng Xuân Hương	22/02/2011	Nữ	9,4	40	8,86	8,3	9,3		40	17,6	Trường THCS Bảo Quang
119	Cao Hiếu Nghĩa	02/03/2011	Nam	9/1	40	8,86	7,5	8,2		40	15,7	Trường THCS Hồ Thị Hương
120	Trần Minh Lộc	10/10/2011	Nữ	9/3	40	8,85	9,3	9,2		40	18,5	Trường THCS Ngô Quyền
121	Trương Tuấn Nghị	10/11/2011	Nam	9/1	40	8,85	8,1	8,6		40	16,7	Trường THCS Hồ Thị Hương
122	Tạ Phước Lộc	15/07/2011	Nam	9/6	40	8,84	8,3	8,8		40	17,1	Trường THCS Hồ Thị Hương
123	Nguyễn Thị Ngọc Châu	17/06/2011	Nữ	9/4	40	8,82	9,1	8,5		40	17,6	Trường THCS Ngô Quyền
124	Lý Nam Hùng	21/07/2011	Nam	92	40	8,82	8,1	9		40	17,1	Trường THCS Hàng Gòn
125	Nguyễn Lê Quốc Khánh	02/09/2011	Nam	9/5	40	8,82	8	8,9		40	16,9	Trường THCS Lê A
126	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	30/06/2011	Nữ	9/3	40	8,82	8,4	8,3		40	16,7	Trường THCS Lê A
127	Nguyễn Huỳnh Bảo Linh	10/04/2011	Nữ	9,1	40	8,82	7,6	9,1		40	16,7	Trường THCS Bảo Quang
128	Nguyễn Thị Minh Huyền	02/08/2011	Nữ	9/1	40	8,82	7,7	8,9		40	16,6	Trường THCS Ngô Quyền
129	Lê Nguyễn Duy Khang	11/12/2011	Nam	9/8	40	8,81	9	8,4		40	17,4	Trường THCS Nguyễn Trãi
130	Nguyễn Trần Khánh Như	22/09/2011	Nữ	9,2	40	8,81	8,3	8,9		40	17,2	Trường THCS Bảo Quang
131	Đỗ Ngọc Hân	22/11/2011	Nữ	9/3	40	8,81	8,8	8,1		40	16,9	Trường THCS Xuân Tân
132	Lê Thùy Tiên	28/02/2011	Nữ	9/2	40	8,81	6,7	9,4		40	16,1	Trường THCS Ngô Quyền
133	Lâm Hoàng Minh Khang	30/06/2011	Nam	9/4	40	8,8	8,1	9,8		40	17,9	Trường THCS Xuân Lập
134	Trần Ngọc Như Quỳnh	18/07/2011	Nữ	9/4	40	8,8	8,6	8,7		40	17,3	Trường THCS Hồ Thị Hương

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm 4 năm THCS	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Tổng hai môn Toán văn	Trường cuối cấp
135	Dương Lê Tường Vy	01/04/2011	Nữ	9/4	40	8,8	8,4	8,8		40	17,2	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
136	Phạm Thanh Kiều Diễm	01/03/2011	Nữ	9/2	40	8,8	8,3	8,7		40	17	Trường THCS Nguyễn Du
137	Nguyễn Đăng Khoa	15/11/2011	Nam	9/1	40	8,8	6,9	8,6		40	15,5	Trường THCS Hồ Thị Hương
138	Nguyễn Lê Quỳnh Như	26/12/2011	Nữ	9/3	40	8,79	7,5	9,1		40	16,6	Trường THCS Xuân Lập
139	Nguyễn Quốc Nguyên	01/06/2011	Nam	9/8	40	8,79	8	8,5		40	16,5	Trường THCS Lê Quý Đôn
140	Hoàng Nguyễn Bảo Ngọc	13/07/2011	Nữ	9/1	40	8,79	7,7	7,5		40	15,2	Trường THCS Hồ Thị Hương
141	Lê Thị Kiều Quanh	24/02/2011	Nữ	9,1	40	8,78	8,4	9,3		40	17,7	Trường THCS Bảo Quang
142	Nguyễn Hoàng Minh	16/05/2011	Nam	9/3	40	8,78	8	9,2		40	17,2	Trường THCS Xuân Lập
143	Lê Huỳnh Bảo Yến	26/05/2011	Nữ	9/4	40	8,76	8,6	8,7		40	17,3	Trường THCS Hồ Thị Hương
144	Nguyễn Ngọc Phương Linh	01/04/2011	Nữ	9/1	40	8,76	8,7	8,6		40	17,3	Trường THCS Lê Thánh Tông
145	Võ Quỳnh Hương	13/12/2011	Nữ	9/1	40	8,76	9,4	7,6		40	17	Trường THCS Xuân Tân
146	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	27/11/2011	Nữ	9/3	40	8,76	7,9	8,8		40	16,7	Trường THCS Xuân Lập
147	Phạm Khánh Vy	19/12/2011	Nữ	9/5	40	8,76	7,7	9		40	16,7	Trường THCS Lê A
148	Dương Yến Nhi	20/06/2011	Nữ	9/4	40	8,75	8,7	8,7		40	17,4	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
149	Chí Hoàng Anh	30/12/2011	Nữ	9/2	39	8,75	8,2	8,4	1	40	16,6	Trường THCS Lê A
150	Lê Văn Khôi	14/04/2011	Nam	9/2	40	8,75	7,4	9		40	16,4	Trường THCS Ngô Quyền
151	Đặng Hoàng Phương Anh	11/03/2011	Nữ	9,1	40	8,75	7,8	8,4		40	16,2	Trường THCS Bảo Quang
152	Vũ Gia Linh	28/07/2011	Nữ	9/7	40	8,74	8,2	8,8		40	17	Trường THCS Lê Quý Đôn
153	Nguyễn Ngọc Như Ý	02/06/2011	Nữ	9/1	40	8,72	8,2	9,5		40	17,7	Trường THCS Ngô Quyền
154	Mai Tâm Như	02/08/2011	Nữ	9/4	40	8,72	8,2	9,3		40	17,5	Trường THCS Hồ Thị Hương
155	La Phước Minh Trí	19/01/2011	Nam	9/3	40	8,72	7,9	9		40	16,9	Trường THCS Xuân Lập
156	Phạm Hoàng Bảo Yến	28/01/2011	Nữ	9/8	40	8,71	8,8	8,4		40	17,2	Trường THCS Ngô Quyền
157	Lê Hoàng Thảo Ly	25/02/2011	Nữ	9/5	40	8,71	8,5	8,6		40	17,1	Trường THCS Hồ Thị Hương
158	Phạm Ánh Ly	02/07/2011	Nữ	9,1	40	8,71	8,1	8,5		40	16,6	Trường THCS Bảo Quang
159	Bùi Nhật Quỳnh Lam	02/01/2011	Nữ	9/3	40	8,71	7,6	8,6		40	16,2	Trường THCS Lý Tự Trọng
160	Nguyễn Trần Anh Thư	09/07/2011	Nữ	9/1	40	8,71	8,9	7,3		40	16,2	Trường THCS Hàng Gòn
161	Nguyễn Tuấn Khang	07/03/2011	Nam	9/3	40	8,71	7,2	8,9		40	16,1	Trường THCS Lê Quý Đôn
162	Hoàng Trọng Anh	22/07/2011	Nam	9/1	40	8,71	7	7,9		40	14,9	Trường THCS Hồ Thị Hương
163	Lê Hoàng Minh	03/10/2011	Nam	9/6	40	8,7	8,6	9		40	17,6	Trường THCS Ngô Quyền
164	Nguyễn Duy Phúc	12/06/2011	Nam	9/8	40	8,7	8,4	8,7		40	17,1	Trường THCS Ngô Quyền
165	Nguyễn Đình Gia Khánh	26/11/2011	Nam	9/3	40	8,7	7,5	8,9		40	16,4	Trường THCS Ngô Quyền
166	Trương Ngọc Phương Anh	27/09/2011	Nữ	9/5	40	8,7	7,9	8,5		40	16,4	Trường THCS Nguyễn Trãi

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm 4 năm THCS	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Tổng hai môn Toán văn	Trường cuối cấp
167	Nguyễn Thị Hải Yến	11/03/2011	Nữ	9/7	40	8,7	7,6	8,3		40	15,9	Trường THCS Nguyễn Trãi
168	Huỳnh Ngọc Gia Thuận	03/02/2011	Nữ	9/6	40	8,69	8,9	8,6		40	17,5	Trường THCS Hồ Thị Hương
169	Nguyễn Khánh An	24/01/2011	Nữ	9/7	40	8,69	8,6	8,8		40	17,4	Trường THCS Ngô Quyền
170	Thái Trịnh Yên Vy	24/09/2011	Nữ	9/2	40	8,69	7,6	9,2		40	16,8	Trường THCS Ngô Quyền
171	Nguyễn Trịnh Tuấn Anh	05/09/2011	Nam	9/4	40	8,69	7,6	8,8		40	16,4	Trường THCS Lê A
172	Lương Thị Quỳnh Nga	04/06/2011	Nữ	9/5	40	8,69	8,1	8,2		40	16,3	Trường THCS Ngô Quyền
173	Trương Nguyễn Đăng Khoa	04/07/2011	Nam	9/5	40	8,69	6,5	9,5		40	16	Trường THCS Ngô Quyền
174	Long Ngọc Vy	13/05/2011	Nữ	9/4	39	8,68	7,6	9,3	1	40	16,9	Trường THCS Lê A
175	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	05/05/2011	Nữ	9/2	40	8,68	7,8	8,9		40	16,7	Trường THCS Ngô Quyền
176	Nguyễn Ngọc Mai Khôi	03/11/2011	Nữ	9/1	40	8,68	8,1	8,6		40	16,7	Trường TH&THCS Nguyễn Thái Bình
177	Dương Đức Trí	15/12/2011	Nam	9/8	40	8,68	7,7	7,8		40	15,5	Trường THCS Ngô Quyền
178	Trần Hoàng Tường Vy	16/04/2011	Nữ	9/3	40	8,66	8,2	9		40	17,2	Trường THCS Lê A
179	Lê Phạm Gia Nghi	24/04/2011	Nữ	9/2	40	8,66	8,4	8,5		40	16,9	Trường THCS Ngô Quyền
180	Đặng Ngọc Phương Uyên	04/07/2011	Nữ	9/4	40	8,65	9,2	8,4		40	17,6	Trường THCS Lê Quý Đôn
181	Phạm Kiều Ngân	18/10/2011	Nữ	9/3	40	8,64	8,9	8,4		40	17,3	Trường THCS Ngô Quyền
182	Nguyễn Vương Phương Trúc	25/12/2011	Nữ	9/4	40	8,64	8,1	8,4		40	16,5	Trường THCS Lê Quý Đôn
183	Trần Minh Kim	10/10/2011	Nữ	9/3	40	8,62	9	8,8		40	17,8	Trường THCS Ngô Quyền
184	Tôn Thất Khang	21/12/2011	Nam	9/5	40	8,61	8	8,9		40	16,9	Trường THCS Ngô Quyền
185	Lê Nhật Quang	15/07/2011	Nam	9/1	40	8,61	7,7	9,1		40	16,8	Trường THCS Bảo Quang
186	Lê Tuấn Anh	10/11/2011	Nam	9/4	40	8,61	8,1	8,6		40	16,7	Trường THCS Ngô Quyền
187	Cao Thị Linh	10/10/2011	Nữ	9/1	40	8,61	8,5	7,5		40	16	Trường THCS Lê Quý Đôn
188	Nguyễn Thị Họa My	02/08/2011	Nữ	9/4	40	8,6	8,8	8,7		40	17,5	Trường THCS Xuân Tân
189	Hoàng Ngọc Như Ý	28/12/2011	Nữ	9/5	40	8,6	8,4	6,7		40	15,1	Trường THCS Lê Quý Đôn
190	Lê Anh Khôi	22/09/2011	Nam	9/5	40	8,58	7,6	8,8		40	16,4	Trường THCS Ngô Quyền
191	Phu Vạn Tài	02/08/2011	Nữ	9/5	39	8,58	8,6	7,7	1	40	16,3	Trường THCS Lê Quý Đôn
192	Nguyễn Thanh Nhà Kỳ	09/02/2011	Nữ	9/8	40	8,58	8,8	7,3		40	16,1	Trường THCS Nguyễn Trãi
193	Cao Huy Bảo	01/04/2011	Nam	9/3	40	8,56	7,9	8,9		40	16,8	Trường THCS Xuân Lập
194	Nguyễn Ngọc Hân	11/11/2011	Nữ	9/1	40	8,56	8	8,8		40	16,8	Trường THCS Bảo Quang
195	Nguyễn Lâm Bảo Ngân	03/07/2011	Nữ	9/4	40	8,56	8	8		40	16	Trường THCS Lê Quý Đôn
196	Trương Thị Thanh An	13/05/2011	Nữ	9/2	40	8,55	8,8	8,1		40	16,9	Trường THCS Bảo Quang
197	Trần Phương Linh	01/09/2011	Nữ	9/1	40	8,54	7,4	9,2		40	16,6	Trường THCS Ngô Quyền
198	Hoàng Anh Thư	04/03/2011	Nữ	9/5	40	8,52	8	7,8		40	15,8	Trường THCS Ngô Quyền
199	Châu Thị Kim Thoa	26/10/2011	Nữ	9/8	40	8,51	9	7		40	16	Trường THCS Ngô Quyền
200	Nguyễn Lê Uyên Nhi	20/11/2011	Nữ	9/6	40	8,5	8,8	8,6		40	17,4	Trường THCS Hồ Thị Hương
201	Trương Ngọc Diệp	02/04/2011	Nữ	9/7	40	8,5	8,5	8,6		40	17,1	Trường THCS Ngô Quyền

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm 4 năm THCS	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Tổng hai môn Toán văn	Trường cuối cấp
202	Võ Anh Dũng	22/01/2011	Nam	9/6	40	8,5	8,2	8,4		40	16,6	Trường THCS Hồ Thị Hương
203	Võ Phụng Hoàng Oanh	02/03/2011	Nữ	9/6	40	8,5	8,5	7,7		40	16,2	Trường THCS Hồ Thị Hương
204	Lê Nguyễn Tuấn Anh	28/01/2011	Nam	9/2	40	8,49	8,2	8,8		40	17	Trường THCS Ngô Quyền
205	Lê Nguyễn Kiều Oanh	24/03/2011	Nữ	9/1	40	8,49	7,9	8,2		40	16,1	Trường THCS Hồ Thị Hương
206	Phan Nhật Diễm Quỳnh	12/04/2011	Nữ	9/7	40	8,48	7,4	7,4		40	14,8	Trường THCS Nguyễn Trãi
207	Võ Thị Thu Trang	22/07/2011	Nữ	9/4	40	8,45	8	8,9		40	16,9	Trường THCS Ngô Quyền
208	Nguyễn Anh Gia Huy	24/05/2011	Nam	9,2	40	8,45	7,7	8,6		40	16,3	Trường THCS Bảo Quang
209	Nguyễn Tiến Đạt	01/07/2011	Nam	91	40	8,44	7	8		40	15	Trường THCS Lê Quý Đôn
210	Phạm Nguyễn Minh Thư	16/05/2011	Nữ	9/2	40	8,42	7,4	8,3		40	15,7	Trường THCS Ngô Quyền
211	Trần Ngọc Vân Anh	05/07/2011	Nữ	9/4	40	8,41	8,8	8,5		40	17,3	Trường THCS Ngô Quyền
212	Lâm Diệp Anh	30/08/2011	Nữ	9/5	39	8,41	7,7	8,2	1	40	15,9	Trường THCS Hồ Thị Hương
213	Cám Trần Phương An	04/07/2011	Nữ	9/2	39	8,4	7,9	8,2	1	40	16,1	Trường THCS Ngô Quyền
214	Nguyễn Kiến Phong	24/04/2011	Nam	9/8	40	8,39	8,9	8,3		40	17,2	Trường THCS Ngô Quyền
215	Trần Phước Tân	19/08/2011	Nam	9/2	40	8,39	8,2	8,8		40	17	Trường THCS Ngô Quyền
216	Phạm Kim Cẩm Tú	27/04/2011	Nữ	9,1	40	8,39	7,5	8		40	15,5	Trường THCS Bảo Quang
217	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	03/01/2011	Nữ	93	40	8,39	7,4	8		40	15,4	Trường THCS Lê Quý Đôn
218	Nguyễn Thái Bảo	01/02/2011	Nam	9/4	40	8,35	8	8,7		40	16,7	Trường THCS Xuân Tân
219	Trần Tú Khanh	12/03/2011	Nữ	9/1	39	8,35	7,5	8,1	1	40	15,6	Trường THCS Ngô Quyền
220	Phạm Ngọc Phương Trang	17/08/2011	Nữ	9/2	40	8,34	8,4	8,6		40	17	Trường THCS Lê Thánh Tông
221	Nguyễn Đoàn Bảo Trân	24/11/2011	Nữ	9/4	40	8,34	9	8		40	17	Trường THCS Ngô Quyền
222	Nguyễn Thành An	01/07/2011	Nam	9/4	40	8,31	8	9		40	17	Trường THCS Ngô Quyền
223	Nguyễn Hữu Thắng	18/04/2011	Nam	9,3	40	8,31	8	8		40	16	Trường THCS Bảo Quang
224	Nguyễn Anh Thư	16/01/2011	Nữ	9/1	40	8,31	7,1	7,9		40	15	Trường THCS Hồ Thị Hương
225	Từ Nguyễn Gia Hân	03/05/2011	Nữ	9/2	40	8,29	7,6	7		40	14,6	Trường THCS Nguyễn Trãi
226	Trần Hoàng Chí Minh	06/06/2011	Nam	9/1	40	8,28	7,2	8		40	15,2	Trường TH&THCS Nguyễn Thái Bình
227	Nguyễn Nho Khánh Băng	17/03/2011	Nữ	9/3	40	8,28	7,3	7,4		40	14,7	Trường THCS Hồ Thị Hương
228	Nguyễn Trần Gia Bảo	01/12/2011	Nam	9/8	40	8,25	8,3	8,3		40	16,6	Trường THCS Ngô Quyền
229	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	30/03/2011	Nữ	9/5	40	8,25	7	8,3		40	15,3	Trường THCS Ngô Quyền
230	Đông Nguyễn Thảo Ly	23/07/2011	Nữ	9/4	40	8,24	8,8	8,2		40	17	Trường THCS Ngô Quyền
231	Lý Nguyễn Ái Vy	18/03/2011	Nữ	9/1	40	8,24	8,1	6,5		40	14,6	Trường TH&THCS Nguyễn Thái Bình
232	Ngô Tấn Thuận	13/09/2011	Nam	9/3	40	8,22	7,5	7,8		40	15,3	Trường THCS Ngô Quyền
233	Huỳnh Ngọc Gia Huy	04/05/2011	Nam	9/1	40	8,21	8,8	6,7		40	15,5	Trường THCS Xuân Tân

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm 4 năm THCS	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Tổng hai môn Toán văn	Trường cuối cấp
234	Võ Thị Thanh Nhi	22/02/2011	Nữ	9/8	40	8,19	8,2	6,5		40	14,7	Trường THCS Nguyễn Trãi
235	Nguyễn Tuấn Phát	15/03/2011	Nam	9/6	40	8,14	7,3	9,1		40	16,4	Trường THCS Ngô Quyền
236	Huỳnh Thị Ngọc Hiền	02/06/2011	Nữ	9/2	40	8,12	8,2	6,6		40	14,8	Trường THCS Xuân Tân
237	Trương Lê Gia Bảo	07/08/2011	Nam	9/3	40	8,04	7,5	8		40	15,5	Trường THCS Ngô Quyền
238	Quách Tâm Kiên	25/05/2011	Nam	9/8	39	7,94	8,7	8,3	1	40	17	Trường THCS Ngô Quyền
239	Nguyễn Trần Mai Trâm	30/10/2011	Nữ	9/1	40	7,91	8,3	8		40	16,3	Trường THCS Ngô Quyền
240	Nguyễn Trúc Ly	09/06/2011	Nữ	9,3	39	9,4	9,2	9,5		39	18,7	Trường THCS Bảo Quang
241	Nguyễn Hoàng Kiều My	25/11/2011	Nữ	9,3	39	9,25	9,1	8,5		39	17,6	Trường THCS Bảo Quang
242	Hồ Gia Tiến Phát	19/01/2011	Nam	9/1	39	9,19	9,1	9,4		39	18,5	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
243	Nguyễn Thành Minh	28/12/2011	Nam	9/5	39	9,1	8,7	9,3		39	18	Trường THCS Hồ Thị Hương
244	Bùi Quỳnh Như	30/06/2011	Nữ	9/4	39	9,06	8,7	9,7		39	18,4	Trường THCS Hồ Thị Hương
245	Vũ Ngọc Phương Dung	29/01/2011	Nữ	9,3	39	9,06	9,2	8,5		39	17,7	Trường THCS Bảo Quang
246	Võ Huy Hoàng	31/10/2011	Nam	9/5	39	9,02	8,6	9,5		39	18,1	Trường THCS Lê A
247	Trần Như Ý	24/01/2011	Nữ	9/4	39	9	8,7	8,8		39	17,5	Trường THCS Lê A
248	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	20/05/2011	Nữ	9,3	39	8,98	9,1	9		39	18,1	Trường THCS Hàng Gòn
249	Nguyễn Đăng Khoa	31/07/2011	Nam	9/2	39	8,96	9,2	8,8		39	18	Trường THCS Hồ Thị Hương
250	Lưu Thị Khánh Linh	15/11/2011	Nữ	9/3	39	8,96	8,6	9,3		39	17,9	Trường THCS Hồ Thị Hương
251	Phan Đoàn Trúc Nhã	26/11/2011	Nữ	9/1	39	8,96	8,7	8,8		39	17,5	Trường THCS Lê A
252	Hứa Quỳnh Thảo Vy	06/09/2011	Nữ	9/3	39	8,96	8,1	8,3		39	16,4	Trường THCS Hồ Thị Hương
253	Nguyễn Thành An	06/04/2011	Nam	9/1	39	8,95	7,9	9,4		39	17,3	Trường THCS Lê A
254	Nguyễn Hoàng Mai Chi	09/08/2011	Nữ	9,3	39	8,95	8,3	8,7		39	17	Trường THCS Bảo Quang
255	Phùng Thiên Phúc	10/08/2011	Nam	9,1	39	8,91	9	8,9		39	17,9	Trường THCS Bảo Quang
256	Phan Tường Vy	17/11/2011	Nữ	9,2	39	8,91	8,6	9		39	17,6	Trường THCS Bảo Quang
257	Hồ Trần Anh Thơ	20/01/2011	Nữ	9,8	39	8,91	8,1	8,5		39	16,6	Trường THCS Lê Quý Đôn
258	Vũ Anh Kiệt	01/01/2011	Nam	9,7	39	8,89	9	8,1		39	17,1	Trường THCS Lê Quý Đôn
259	Nguyễn Xuân Thực Đoàn	06/08/2011	Nữ	9/4	39	8,85	8,2	8,8		39	17	Trường THCS Trần Hưng Đạo
260	Dương Thị Như Ý	02/02/2011	Nữ	9/2	39	8,84	7,8	9,3		39	17,1	Trường THCS Ngô Quyền
261	Nguyễn Ngọc Bảo Yến	06/08/2011	Nữ	9/4	39	8,84	8,4	7,7		39	16,1	Trường THCS Chu Văn An
262	Thái Thị Thu Hạnh	01/02/2011	Nữ	9,2	39	8,82	8,7	8,7		39	17,4	Trường THCS Bảo Quang
263	Vũ Hoài Phương Linh	16/06/2011	Nữ	9/2	39	8,81	7,4	9,5		39	16,9	Trường THCS Xuân Lập
264	Nguyễn Hồng Ngọc Ngà	16/04/2011	Nữ	9/3	39	8,81	7,8	8,5		39	16,3	Trường THCS Chu Văn An
265	Nguyễn Bảo Ngọc Hân	19/11/2011	Nữ	9,6	39	8,8	8,1	7,5		39	15,6	Trường THCS Lê Quý Đôn
266	Nguyễn Phước Bình	26/08/2011	Nam	9,3	39	8,79	8,2	8,3		39	16,5	Trường THCS Hàng Gòn

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm 4 năm THCS	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Tổng hai môn Toán văn	Trường cuối cấp
267	Dương Nhật Đan Vy	11/05/2011	Nữ	9/4	39	8,79	8,5	7,7		39	16,2	Trường THCS Hồ Thị Hương
268	Sỹ Thị Thanh Tuyền	01/07/2011	Nữ	9/3	38	8,78	9	9,2	1	39	18,2	Trường THCS Xuân Tân
269	Nguyễn Ngọc Nguyên	28/10/2011	Nữ	9/7	39	8,78	8,9	8,4		39	17,3	Trường THCS Ngô Quyền
270	Trần Nguyễn Tuấn Kiệt	14/08/2011	Nam	9/2	39	8,78	8,1	8,9		39	17	Trường THCS Hồ Thị Hương
271	Lê Nguyễn An Quân	10/02/2011	Nữ	9/1	39	8,78	7,8	8,9		39	16,7	Trường THCS Hồ Thị Hương
272	Huỳnh Lê Trí Hải	29/10/2011	Nam	9/6	39	8,78	8,4	7,5		39	15,9	Trường THCS Lê Quý Đôn
273	Nguyễn Ngọc Bảo Yến	18/01/2011	Nữ	9/5	39	8,76	8,4	9,4		39	17,8	Trường THCS Lê A
274	Lê Trọng Phú	03/12/2010	Nam	9/1	39	8,76	7,7	8		39	15,7	Trường THCS Hồ Thị Hương
275	Mai Minh Khôi	18/07/2011	Nam	9/4	39	8,74	8,4	8,9		39	17,3	Trường THCS Hồ Thị Hương
276	Lê Huỳnh Kim Ngân	07/05/2011	Nữ	9/5	39	8,74	8,2	8,5		39	16,7	Trường THCS Ngô Quyền
277	Trần Ngọc Thảo Như	26/10/2011	Nữ	9/3	39	8,71	8,8	8		39	16,8	Trường THCS Hàng Gòn
278	Lê Thị Ngọc Vy	31/07/2011	Nữ	9/1	39	8,71	7,5	9,1		39	16,6	Trường THCS Hồ Thị Hương
279	Lê Tấn Phát	14/09/2011	Nam	9/2	39	8,7	8,4	8,4		39	16,8	Trường TH&THCS Nguyễn Thái Bình
280	Nguyễn Trần Bảo Châu	21/07/2011	Nữ	9/3	39	8,7	8	8,7		39	16,7	Trường THCS Lê Quý Đôn
281	Huỳnh Tuấn Kiệt	18/04/2011	Nam	9/1	39	8,69	8,7	8,4		39	17,1	Trường THCS Lê A
282	Nguyễn Thi	07/10/2011	Nam	9/3	39	8,69	8	8,9		39	16,9	Trường THCS Xuân Lập
283	Nguyễn Thị Bảo Hân	21/02/2010	Nữ	9/7	39	8,69	7,9	8,1		39	16	Trường THCS Nguyễn Trãi
284	Phạm Thị Kiều My	30/08/2011	Nữ	9,1	39	8,68	7,7	9,1		39	16,8	Trường THCS Bảo Quang
285	Lại Thị Tâm Như	15/11/2011	Nữ	9/4	39	8,68	7,3	9		39	16,3	Trường THCS Lê Thánh Tông
286	Trần Ngọc Phúc An	25/02/2011	Nữ	9/3	39	8,68	7,2	8,4		39	15,6	Trường THCS Hàng Gòn
287	Trần Phương An	21/02/2011	Nữ	9/7	39	8,66	7,7	8,3		39	16	Trường THCS Hồ Thị Hương
288	Nguyễn Đỗ Phương Thảo	26/04/2011	Nữ	9/5	39	8,62	9,3	7,2		39	16,5	Trường THCS Lê Quý Đôn
289	Phạm Ngọc Kiều Nhi	19/08/2011	Nữ	9/3	39	8,62	7,7	8,7		39	16,4	Trường THCS Xuân Lập
290	Vũ Thanh Nhân	12/08/2011	Nữ	9A2	39	8,62	7,6	6,7		39	14,3	Trường TH-THCS-THPT Trương Vĩnh Ký
291	Lê Ngọc Tường Vy	21/09/2011	Nữ	9/1	39	8,61	7,7	9,2		39	16,9	Trường THCS Ngô Quyền
292	Võ Hào Quang	17/08/2011	Nam	9,4	39	8,61	8,4	8,4		39	16,8	Trường THCS Bảo Quang
293	Nguyễn Đào Lan Anh	03/03/2011	Nữ	9/5	39	8,61	8	8		39	16	Trường THCS Nguyễn Trãi
294	Nguyễn Tuấn Đạt	30/04/2011	Nam	9/1	39	8,6	9,3	8		39	17,3	Trường THCS Xuân Tân
295	Nguyễn Trần Gia Bảo	21/03/2011	Nam	9/1	39	8,6	7,6	8,8		39	16,4	Trường THCS Hồ Thị Hương
296	Nguyễn Anh Tú	23/05/2011	Nam	9/1	39	8,59	8,8	8,7		39	17,5	Trường THCS Xuân Tân
297	Trần Minh Nhật	18/12/2011	Nam	9/1	39	8,59	8,1	8,6		39	16,7	Trường THCS Lê A
298	Trần Khánh Dung	31/07/2011	Nữ	9/7	39	8,59	9	7,7		39	16,7	Trường THCS Lê Quý Đôn
299	Trần Thị Kim Trúc	26/02/2011	Nữ	9/2	39	8,59	7,7	8,8		39	16,5	Trường THCS Ngô Quyền

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm 4 năm THCS	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Tổng hai môn Toán văn	Trường cuối cấp
300	Lê Lý Huỳnh Anh	02/10/2011	Nữ	9/1	39	8,59	7,2	8,3		39	15,5	Trường THCS Hồ Thị Hương
301	Nguyễn Phan Huyền Anh	29/05/2011	Nữ	9/5	39	8,58	8,3	8,2		39	16,5	Trường THCS Nguyễn Du
302	Trần Nhật Đăng Khoa	03/01/2011	Nam	9/4	39	8,56	7,6	9,8		39	17,4	Trường THCS Xuân Lập
303	Lương Nguyễn Quỳnh Anh	24/11/2011	Nữ	9/5	39	8,56	8,5	7,4		39	15,9	Trường THCS Lê Quý Đôn
304	Hán Đỗ Thanh Thảo	25/10/2011	Nữ	9/2	39	8,55	9,1	8,7		39	17,8	Trường THCS Lê Quý Đôn
305	Trần Nguyễn Gia Hân	30/10/2011	Nữ	9/8	39	8,54	8,8	7,9		39	16,7	Trường THCS Ngô Quyền
306	Nguyễn Hoàng Thảo Vy	12/09/2011	Nữ	9/3	39	8,54	8,2	7,6		39	15,8	Trường THCS Lê A
307	Phạm Lê Duy	16/09/2011	Nam	9/2	39	8,54	6,7	8		39	14,7	Trường THCS Hàng Gòn
308	Nguyễn Hoàng Minh Khang	05/09/2011	Nam	9/4	39	8,52	7,3	9,4		39	16,7	Trường THCS Ngô Quyền
309	Lê Thụy Quỳnh Lam	15/07/2011	Nữ	9/1	39	8,52	7,4	7,5		39	14,9	Trường THCS Nguyễn Trãi
310	Hồ Thị Hà Linh	02/11/2011	Nữ	9/6	39	8,51	7,5	8,9		39	16,4	Trường THCS Hồ Thị Hương
311	Phạm Thế Anh	06/01/2011	Nam	9/1	39	8,51	7,2	7,5		39	14,7	Trường THCS Hồ Thị Hương
312	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	30/05/2011	Nữ	9/3	39	8,49	7,3	8,3		39	15,6	Trường THCS Lê A
313	Dương Tiến Phát	31/01/2011	Nam	9/2	39	8,49	7,8	7,8		39	15,6	Trường THCS Chu Văn An
314	Nguyễn Quốc Huy	13/08/2011	Nam	9/1	39	8,49	7,6	7,8		39	15,4	Trường THCS Nguyễn Trãi
315	Phạm Minh Nhật	26/09/2011	Nam	9/4	39	8,48	7,5	8,8		39	16,3	Trường THCS Xuân Lập
316	Trần Thị Hải Yến	10/11/2011	Nữ	9,3	39	8,48	8,7	7,6		39	16,3	Trường THCS Bảo Quang
317	Ngô Thị Tuyết Xuân	12/10/2011	Nữ	9/6	39	8,46	7,4	9,5		39	16,9	Trường THCS Ngô Quyền
318	Nguyễn Hoàng Khôi	02/12/2011	Nam	9/2	39	8,46	9,1	7,1		39	16,2	Trường TH&THCS Nguyễn Thái Bình
319	Vương Diệp Tú	09/06/2011	Nữ	9/4	39	8,45	9,4	8,7		39	18,1	Trường THCS Ngô Quyền
320	Trần Ngọc Vương	01/11/2011	Nam	9/8	39	8,45	7,7	7,3		39	15	Trường THCS Lê Quý Đôn
321	Lai Khôi Nguyên	20/06/2011	Nam	9/5	39	8,44	7,6	7,2		39	14,8	Trường THCS Lê Quý Đôn
322	Hà Ngọc Tường Vy	20/03/2011	Nữ	9/8	39	8,42	7,8	8,5		39	16,3	Trường THCS Ngô Quyền
323	Phạm Nguyễn Bảo Hân	05/05/2011	Nữ	9/2	39	8,42	8,4	6,8		39	15,2	Trường THCS Chu Văn An
324	Nguyễn Thị Thanh Tâm	24/09/2011	Nữ	9,3	39	8,41	8,5	7,7		39	16,2	Trường THCS Bảo Quang
325	Nguyễn Hoàng Trâm Anh	28/07/2011	Nữ	9/6	39	8,41	8,1	6,6		39	14,7	Trường THCS Lê Quý Đôn
326	Nguyễn Huỳnh Thảo Vân	10/08/2011	Nữ	9/2	39	8,39	7,7	7,3		39	15	Trường THCS Nguyễn Trãi
327	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	14/12/2011	Nữ	9/4	39	8,38	8,5	8,7		39	17,2	Trường THCS Ngô Quyền
328	Trần Thành Tới	07/05/2011	Nam	9,4	39	8,38	8,3	7,7		39	16	Trường THCS Bảo Quang
329	Nguyễn Ngọc Trúc Huỳnh	05/10/2011	Nữ	9/1	39	8,38	7,3	8,5		39	15,8	Trường THCS Ngô Quyền
330	Nguyễn Xuân Quốc Cường	17/02/2011	Nam	9/7	39	8,36	8,2	8		39	16,2	Trường THCS Ngô Quyền
331	Phan Thiện Nhân	19/09/2011	Nam	9/3	39	8,36	7,6	8,1		39	15,7	Trường THCS Lê Thánh Tông
332	Nguyễn Thị Thanh Vân	19/01/2011	Nữ	9/3	39	8,35	7,5	8,7		39	16,2	Trường THCS Xuân Lập
333	Đặng Thị Yến Nhi	05/08/2011	Nữ	9/3	39	8,35	7,8	8		39	15,8	Trường THCS Ngô Quyền

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm 4 năm THCS	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Tổng hai môn Toán văn	Trường cuối cấp
334	Trần Ngọc Như Ý	06/02/2011	Nữ	9/1	39	8,35	7,7	7,6		39	15,3	Trường THCS Nguyễn Trãi
335	Nguyễn Thị Thu Hằng	25/01/2011	Nữ	9/1	39	8,34	6,6	7,3		39	13,9	Trường THCS Hàng Gòn
336	Lâm Anh Phi	20/02/2011	Nam	9/2	39	8,32	7,5	8		39	15,5	Trường THCS Lê Quý Đôn
337	Đỗ Phương Lan	14/08/2011	Nữ	9/3	39	8,32	6,5	8,8		39	15,3	Trường THCS Lê Thánh Tông
338	Lê Phương Trúc Diễm	01/02/2011	Nữ	9/7	39	8,31	8,8	7,3		39	16,1	Trường THCS Ngô Quyền
339	Nguyễn Văn Phát	16/04/2011	Nam	9/5	39	8,3	7,3	8,5		39	15,8	Trường THCS Ngô Quyền
340	Vũ Ngọc Diệp	28/04/2011	Nữ	9/3	39	8,3	8,5	6,7		39	15,2	Trường THCS Nguyễn Trãi
341	Trịnh Ngọc Anh Thư	30/05/2011	Nữ	9/1	39	8,29	8	9,2		39	17,2	Trường THCS Lê Thánh Tông
342	Lê Hoàng Phúc	14/06/2011	Nam	9/2	39	8,29	7,6	7,5		39	15,1	Trường THCS Nguyễn Trãi
343	Huỳnh Lê Đăng	28/02/2011	Nam	9/1	39	8,28	7,4	8		39	15,4	Trường THCS Hàng Gòn
344	Đình Thị Diệu	21/06/2011	Nữ	9,2	39	8,25	8,1	6,7		39	14,8	Trường THCS Bảo Quang
345	Đình Xuân Huy	01/01/2011	Nam	9/2	39	8,2	8,1	8		39	16,1	Trường TH&THCS Nguyễn Thái Bình
346	Hoàng Ngọc Phương Uyên	01/08/2011	Nữ	9/6	38	8,19	7	8,9	1	39	15,9	Trường THCS Ngô Quyền
347	Lưu Minh Thư	26/12/2011	Nữ	9/2	39	8,19	7,7	7,7		39	15,4	Trường THCS Lê Quý Đôn
348	Trương Bảo Châu	06/08/2011	Nữ	9,2	39	8,15	8,2	8		39	16,2	Trường THCS Bảo Quang
349	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	16/05/2011	Nữ	9/3	39	8,15	7,4	8		39	15,4	Trường THCS Xuân Lập
350	Nguyễn Gia Huy	13/08/2011	Nam	9/2	39	8,14	7,9	8,4		39	16,3	Trường TH&THCS Nguyễn Thái Bình
351	H-mây Bkrông	21/09/2011	Nữ	9/3	38	8,14	8	7,5	1	39	15,5	Trường THCS Ngô Quyền
352	Vũ Quốc Bảo	08/01/2011	Nam	9/1	39	8,1	7,3	8,2		39	15,5	Trường THCS Xuân Tân
353	Nguyễn Huỳnh Gia Huy	24/06/2011	Nam	9,2	39	7,92	7,4	6,4		39	13,8	Trường THCS Bảo Quang
354	Nguyễn Huyền Trang	07/08/2011	Nữ	9/2	39	7,9	9	6,9		39	15,9	Trường THCS Xuân Tân
355	Phạm Gia Bảo	03/05/2011	Nam	9/4	39	7,58	8,5	7,4		39	15,9	Trường THCS Ngô Quyền
356	Lương Quỳnh Như	13/09/2011	Nữ	9/4	38	7,54	8,1	7	1	39	15,1	Trường THCS Ngô Quyền
357	Phan Ngọc Bảo Trân	21/06/2011	Nữ	9/1	38	9,14	8,2	9,2		38	17,4	Trường THCS Lê A
358	Nguyễn Huy Tiến	09/09/2011	Nam	9/1	38	9	8,7	8,1		38	16,8	Trường THCS Lê Quý Đôn
359	Huỳnh Phúc Khang	06/09/2011	Nam	9/2	38	8,96	8	9,8		38	17,8	Trường PTDTNT THCS Diêu Xiêng
360	Lê Hoàng Minh Triệu	17/11/2011	Nam	9/7	38	8,92	8,4	8,7		38	17,1	Trường THCS Lê Quý Đôn
361	Võ Thanh Hải	08/03/2011	Nam	9/2	38	8,92	7,6	9,4		38	17	Trường THCS Lê A
362	Đỗ Thị Trúc Linh	21/03/2011	Nữ	9/2	38	8,9	8,4	8,9		38	17,3	Trường THCS Hồ Thị Hương

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm 4 năm THCS	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Tổng hai môn Toán văn	Trường cuối cấp
363	Nguyễn Bảo Thi	15/03/2011	Nữ	9/2	38	8,9	8,8	8,5		38	17,3	Trường THCS Bảo Quang
364	Hồ Trà My	22/10/2011	Nữ	9/7	38	8,88	9,1	8,1		38	17,2	Trường THCS Lê Quý Đôn
365	Nguyễn Hoàng Hà	10/12/2011	Nữ	9/2	38	8,85	8,1	8,9		38	17	Trường THCS Lê A
366	Lê Bảo Nghi	05/10/2011	Nữ	9/4	38	8,82	8,2	7,8		38	16	Trường THCS Chu Văn An
367	Lê Kiều Ái My	26/01/2011	Nữ	9/3	38	8,81	7,8	9		38	16,8	Trường THCS Bảo Quang
368	Nguyễn Hoàng Lâm	02/09/2011	Nam	9,3	38	8,81	7,8	8,9		38	16,7	Trường THCS Bảo Quang
369	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	19/03/2011	Nữ	9,4	38	8,79	9,3	8,4		38	17,7	Trường THCS Bảo Quang
370	Lê Phương Nghi	05/10/2011	Nữ	9/4	38	8,79	8,4	7,5		38	15,9	Trường THCS Chu Văn An
371	Bùi Lê Yên Vy	23/05/2011	Nữ	9/4	38	8,76	8,9	8,6		38	17,5	Trường THCS Bảo Quang
372	Lê Văn Hoàng Nam	26/08/2011	Nam	9/5	38	8,75	8,4	9,3		38	17,7	Trường THCS Lê A
373	Dịch Lê Thúy Kiều	09/04/2011	Nữ	9/4	37	8,7	7,9	9	1	38	16,9	Trường THCS Lê Thánh Tông
374	Vy Thanh Ngọc	01/03/2011	Nữ	9,3	37	8,69	9,1	8,1	1	38	17,2	Trường THCS Bảo Quang
375	Hồ Cẩm Tú	24/07/2011	Nữ	9/4	38	8,69	7	8,9		38	15,9	Trường THCS Lê Thánh Tông
376	Nguyễn Đức Lộc	06/03/2011	Nam	9,3	38	8,68	7,4	8,1		38	15,5	Trường THCS Bảo Quang
377	Võ Thị Ngọc Vy	06/08/2011	Nữ	9/7	38	8,66	9	9,1		38	18,1	Trường THCS Ngô Quyền
378	Loan Thế Phúc	23/06/2011	Nam	9/7	37	8,66	8,4	9,3	1	38	17,7	Trường THCS Hồ Thị Hương
379	Quách Quỳnh Như	04/01/2011	Nữ	9/3	38	8,66	8,5	8,7		38	17,2	Trường THCS Xuân Tân
380	Lê Ngọc Minh Thư	23/10/2011	Nữ	9/2	38	8,66	8,3	8		38	16,3	Trường THCS Hàng Gòn
381	Nguyễn Ngọc Anh Quân	03/11/2011	Nam	9/5	38	8,65	8,6	7,5		38	16,1	Trường THCS Lê Quý Đôn
382	Huỳnh Nguyễn Thanh Hằng	16/05/2011	Nữ	9/4	38	8,65	7,5	7,2		38	14,7	Trường THCS Lê Quý Đôn
383	Nguyễn Ngọc Thịnh	21/10/2011	Nam	9/1	38	8,64	9	8,4		38	17,4	Trường THCS Xuân Tân
384	Trần Văn Nghĩa	19/03/2011	Nam	9,3	38	8,61	8,3	7,9		38	16,2	Trường THCS Bảo Quang
385	Phan Đăng Khoa	11/06/2011	Nam	9/1	38	8,61	7,7	7,8		38	15,5	Trường THCS Lê Quý Đôn
386	Đoàn Ngọc Quỳnh My	17/08/2011	Nữ	9/7	38	8,59	8,8	8,8		38	17,6	Trường THCS Ngô Quyền
387	Lê Tiến	04/01/2011	Nam	9,3	38	8,59	8,2	8,4		38	16,6	Trường THCS Bảo Quang
388	Nguyễn Đỗ Hồng Ân	04/10/2011	Nữ	9/3	38	8,59	7,2	8,8		38	16	Trường THCS Lê Thánh Tông
389	Hồ Phúc Khang	19/05/2011	Nam	9/5	38	8,58	8,5	8,6		38	17,1	Trường THCS Hồ Thị Hương
390	Thô Thị Thanh Thuý	09/02/2011	Nữ	9,4	37	8,56	8,5	8,7	1	38	17,2	Trường THCS Bảo Quang
391	Hoàng Thiên Bảo	24/12/2011	Nam	9,4	38	8,56	7,6	9,1		38	16,7	Trường THCS Bảo Quang
392	Đàm Huỳnh Lâm Phong	08/10/2011	Nam	9/3	38	8,56	8	8,1		38	16,1	Trường THCS Lê Quý Đôn
393	Vũ Hồ Thảo My	21/06/2011	Nữ	9/1	38	8,56	7,8	8		38	15,8	Trường THCS Nguyễn Trãi
394	Nguyễn Đăng Vinh	30/01/2011	Nam	9/3	38	8,56	7	8,2		38	15,2	Trường THCS Lê Quý Đôn
395	Nguyễn Triệu Hồng Lam	05/02/2011	Nữ	9/1	38	8,56	7,8	6,8		38	14,6	Trường THCS Lê Quý Đôn
396	Lê Thị Ngọc Mai	02/04/2011	Nữ	9/4	38	8,55	8,8	8		38	16,8	Trường THCS Lê Quý Đôn

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm 4 năm THCS	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Tổng hai môn Toán văn	Trường cuối cấp
397	Huỳnh Lê Thảo Vy	27/12/2011	Nữ	9/5	38	8,52	6,9	9,5		38	16,4	Trường THCS Lê Thánh Tông
398	Phạm Lê Uyên Tú	04/07/2011	Nữ	9/1	38	8,51	8,1	8,9		38	17	Trường THCS Lê Thánh Tông
399	Trần Minh Khang	26/03/2011	Nam	9/4	38	8,5	7,3	9,1		38	16,4	Trường THCS Xuân Lập
400	Nguyễn Thiên Phú	31/03/2011	Nam	9/1	38	8,5	7,7	7,2		38	14,9	Trường THCS Lê Quý Đôn
401	Lê Văn Khánh	06/08/2011	Nam	9/3	38	8,49	8,4	9,1		38	17,5	Trường THCS Xuân Tân
402	Hoàng Tiến Huy	03/07/2011	Nam	9,3	37	8,49	8,4	8,1	1	38	16,5	Trường THCS Bảo Quang
403	Trần Thị Phượng Quyên	25/12/2011	Nữ	9/5	38	8,49	6,9	9,2		38	16,1	Trường THCS Nguyễn Du
404	Võ Ngọc Vân Anh	31/07/2010	Nữ	9/1	38	8,46	6,5	9,5		38	16	Trường THCS Lê A
405	Nguyễn Đình Hoàng Nam	17/12/2011	Nam	9,2	38	8,45	8,1	8,9		38	17	Trường THCS Bảo Quang
406	Vũ Ngọc Lan Phương	20/12/2011	Nữ	9/3	38	8,45	7	8,5		38	15,5	Trường THCS Nguyễn Du
407	Lê Công Đăng Khoa	12/04/2011	Nam	9/1	38	8,44	8,2	8,2		38	16,4	Trường THCS Xuân Tân
408	Trần Tuấn Anh	25/04/2011	Nam	9/8	37	8,44	7	7,3	1	38	14,3	Trường THCS Lê Quý Đôn
409	Lê Nguyễn Minh Tân	01/11/2011	Nam	9/8	38	8,42	8,1	7,7		38	15,8	Trường THCS Lê Quý Đôn
410	Bùi Lương Như Ngọc	16/09/2011	Nữ	9/3	38	8,42	8,5	6,5		38	15	Trường THCS Nguyễn Trãi
411	Trần Đình Hùng	13/06/2011	Nam	9/4	38	8,42	7,2	7,5		38	14,7	Trường THCS Chu Văn An
412	Võ Ngọc Yến Nhi	29/06/2011	Nữ	9/1	38	8,41	9,3	7,4		38	16,7	Trường THCS Xuân Tân
413	Phan Bùi Lê Na	16/07/2011	Nữ	9/2	38	8,39	7,4	8,6		38	16	Trường THCS Hồ Thị Hương
414	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	28/06/2011	Nữ	9,2	38	8,39	6,8	8,4		38	15,2	Trường THCS Bảo Quang
415	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	15/07/2011	Nữ	9/1	38	8,38	8,6	8,5		38	17,1	Trường THCS Xuân Tân
416	Nguyễn Ngọc Nhã Linh	13/02/2011	Nữ	9/2	38	8,36	6,9	9,1		38	16	Trường THCS Lý Tự Trọng
417	Phùng Đức Huy	10/10/2011	Nam	9,4	38	8,35	7,8	8,4		38	16,2	Trường THCS Bảo Quang
418	Trần Thị Khánh Trang	10/08/2011	Nữ	9/5	38	8,35	7,8	8,1		38	15,9	Trường THCS Ngô Quyền
419	Phạm Nguyễn Ngọc Trân	22/03/2011	Nữ	9/4	38	8,32	8,4	7,9		38	16,3	Trường THCS Ngô Quyền
420	Nguyễn Hữu Tín	25/10/2011	Nam	9,2	38	8,32	7,3	8,5		38	15,8	Trường THCS Bảo Quang
421	Nguyễn Hoàng Ngọc Linh	23/04/2011	Nữ	9/7	38	8,3	8,1	8,8		38	16,9	Trường THCS Ngô Quyền
422	Đỗ Ngọc Phong Điền	02/02/2011	Nam	9/2	38	8,3	8,1	8,1		38	16,2	Trường TH&THCS Nguyễn Thái Bình
423	Nguyễn Quốc Trường An	24/10/2011	Nam	9/1	38	8,3	7,5	8,6		38	16,1	Trường THCS Nguyễn Du
424	Lê Đoàn Phương Vy	06/09/2011	Nữ	9/2	38	8,3	7,7	8,3		38	16	Trường THCS Ngô Quyền
425	Nguyễn Quốc Tiến	11/05/2011	Nam	9,4	38	8,3	7,7	7,5		38	15,2	Trường THCS Bảo Quang
426	Nguyễn Hoài An	06/06/2011	Nam	9TD	40		8,5	8,8		40	17,3	Trường ngoại tỉnh
427	Phạm Minh Đức	21/03/2011	Nam	9TD	40		8,3	9		40	17,3	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm 4 năm THCS	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Tổng hai môn Toán văn	Trường cuối cấp
428	Vũ Trần Phương Ngọc Ánh	25/03/2009	Nữ	9TD	40		9,3	8,1		40	17,4	Trường ngoại tỉnh
429	Nguyễn Ngọc Bảo Quyên	09/11/2011	Nữ	9TD	40		9,1	8,3		40	17,4	Trường THCS-THPT Việt Hoa Quang Chánh
430	Nguyễn Vĩnh Phương	15/11/2011	Nữ	9TD	39		8,7	8,9		39	17,6	Trường THCS-THPT Việt Hoa Quang Chánh
431	Nguyễn Hoàng Quân	07/08/2011	Nam	9TD	38	8,53	6,9	7,8		38	14,7	Trường ngoại tỉnh